

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
Tên tiếng Anh : **Logistics and Supply Chain Management**
Mã ngành : **7510605**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**
Hình thức đào tạo : **Tập trung**

Bình Định, 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã ngành : 7510605
Tên tiếng Anh : Logistics and Supply Chain Management
Loại hình đào tạo : Chính quy
Hình thức đào tạo : Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng với trình độ Đại học có khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDTC, GD QP-AN), thời gian đào tạo là 4 năm. Chương trình được xây dựng với các học phần của Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhằm giúp cho người học có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, đồng thời đạt được các chuẩn đầu ra về: Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và trách nhiệm.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
2. Mã ngành đào tạo	7510605
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Tài chính-Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Trường ĐH Quy Nhơn
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm

10. Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên - Có chứng chỉ GDTC và GDQP – AN - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và CTTT theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	<p>Đảm nhiệm các vị trí công việc tại các doanh nghiệp làm dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể các cơ hội việc làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, bán hàng, dịch vụ khách hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán, phân phối... + Có thể đảm nhiệm chức danh quản lý các cấp tại các doanh nghiệp và tổ chức liên quan đến logistics và vận tải, quản trị hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dịch vụ như các tập đoàn bán lẻ, các công ty tư vấn toàn cầu, các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, các đại lý hàng không, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức - khai thác - quy hoạch kho hàng, công ty và doanh nghiệp có ứng dụng logistics trong các hoạt động tổ chức khai thác sản xuất của doanh nghiệp. + Có khả năng giảng dạy các môn học chuyên môn ở các trường Đại học, học viện, các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có mở chuyên ngành liên quan. + Có thể tham gia vào thị trường lao động quốc tế trong lĩnh vực liên quan đến logistics và quản lý

	<p>chuỗi cung ứng.</p> <p>+ Tiếp tục học tập nâng cao trình độ các bậc học sau đại học ở các lĩnh vực tổ chức và quản trị logistics và vận tải đa phương thức cũng như lĩnh vực quản trị kinh doanh trong nước và quốc tế</p>
14. Học tập nâng cao trình độ	<p>- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn liên quan đến Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong và ngoài nước.</p> <p>- Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.</p> <p>- Đăng ký học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế tại các trường đại học trong và ngoài nước.</p>
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	<p>- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội</p> <p>- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</p> <p>- Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh</p> <p>- Singapore University of Social Science</p> <p>- Northern Arizona University</p> <p>- University of San Diego, School of Business</p>
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 03/2022

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/7/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng

1.3.1. Sứ mệnh, Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

- Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ XH.

- Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

- Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

- **Toàn diện:** Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

- **Khai phóng:** Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

- **Thực nghiệp:** Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng như sau:

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần Ngoại ngữ, Tin học	x	x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, nguyên lý kế toán,...)	x	x	
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x
	Các học phần thực tập, thực tế		x	x	x
	Khóa luận tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x	x	x
	Hiến máu nhân đạo			x	
	Hoạt động vì người nghèo			x	
				
Chuẩn đầu ra của chương trình	PLO1	PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, tự nhiên, môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh quản trị logistics và	x	x	

đào tạo (PLOs)		chuỗi cung ứng			
	PLO2	PLO2: Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh doanh và quản lý để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng	x	x	
	PLO3	PLO3: Vận dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành để tổng hợp, đánh giá và đề xuất các hoạt động quản lý, quản trị và nghiệp vụ chuyên môn về logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Hiểu và vận dụng tri thức cách mạng 4.0 trong hoạt động tác nghiệp	x	x	x
	PLO4	PLO4: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	x	x	x
	PLO5	PLO5: Kỹ năng ngoại ngữ: đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế	x	x	x
	PLO6	PLO6: Kỹ năng tin học: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	x	x	x
	PLO7	PLO7: Có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong những bối cảnh khác nhau và lĩnh vực khác một cách khoa học và hiệu quả	x	x	x
	PLO8	PLO8: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề,	x		x

		ng nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao			
	PLO9	PLO9: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội	x	x	x

1.3.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn của Khoa TC - NH và QTKD

- Sứ mệnh

Đào tạo người học toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và khách sạn. Sứ mạng này đạt được thông qua cam kết của chúng tôi trong việc không ngừng cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế, tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; nhằm phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

- Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, quản trị du lịch và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm, chuyên nghiệp, chất lượng, sáng tạo, nhân văn.

Triết lý giáo dục của Khoa TC - NH & QTKD

Học để biết, học để làm, học để chung sống và cống hiến cho xã hội.

Bốn trụ cột giáo dục của Unesco	Khung năng lực Châu Âu	Đề cương CDR
Học để biết	Kiến thức	1. Kiến thức và lập luận ngành
Học để trưởng thành	Kỹ năng	2. Kỹ năng cá nhân nghề nghiệp và phẩm chất
Học để chung sống		3. Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm
Học để làm	Năng lực	4. Năng lực nghề nghiệp

Triết lý giáo dục của Khoa được cụ thể hóa vào chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng như sau:

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng		Triết lý giáo dục của Khoa			
		Học để biết (Kiến thức và lập luận ngành)	Học để làm (Năng lực nghề nghiệp)	Học để chung sống (Kỹ năng)	Học để cống hiển cho XH (Tự chủ và trách nhiệm)
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	x		x	x
	PLO2	x		x	x
	PLO3	x		x	x
	PLO4	x	x	x	x
	PLO5	x	x	x	x
	PLO6	x	x	x	x
	PLO7	x	x	x	x
	PLO8	x	x	x	x
	PLO9	x	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị, pháp luật, kinh tế và quản lý; có kiến thức toàn diện và kỹ năng chuyên sâu, hiện đại về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có khả năng:

- Về kiến thức

- + PO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị, pháp luật vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.
- + PO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh doanh và quản lý để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của các tổ chức kinh tế.
- + PO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức, điều hành các hoạt động trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- + PO4: Vận dụng kiến thức cập nhật, chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng

một cách khoa học và hiệu quả trong môi trường toàn cầu.

- Về kỹ năng

- + PO5: Có năng lực giao tiếp, kỹ năng tư duy, phản biện trong môi trường làm việc.
- + PO6: Có năng lực sử dụng tiếng Anh để làm việc trong môi trường toàn cầu.
- + PO7: Sử dụng được các phần mềm, công cụ thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong môi trường làm việc.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

- + PO8: Tuân thủ các chuẩn mực xã hội, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

+ Kiến thức chung

- 1) PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, tự nhiên, môi trường để diễn giải các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh quản trị logistics và chuỗi cung ứng.

+ Kiến thức chuyên môn

- 2) PLO2: Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh doanh và quản lý để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.
- 3) PLO3: Vận dụng được kiến thức ngành và chuyên ngành để tổng hợp, đánh giá và đề xuất các hoạt động quản lý, quản trị và nghiệp vụ chuyên môn về logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Hiểu và vận dụng tri thức cách mạng 4.0 trong hoạt động tác nghiệp.

1.5.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

- 4) PLO4: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- 5) PLO5: Kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) theo quy định của Trường đối với khối ngành kinh tế.

6) PLO6: Kỹ năng tin học đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Kỹ năng chuyên môn

7) PLO7: Có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong những bối cảnh khác nhau và lĩnh vực khác một cách khoa học và hiệu quả.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao.

9) PLO9: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
PO1	x								
PO2		x							
PO3			x						
PO4			x	x	x	x	x		
PO5				x			x		
PO6					x		x		x
PO7			x			x	x	x	x
PO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

+ Các bài tập vận dụng, nghiên cứu tình huống liên quan đến nội dung của học phần giảng dạy.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự học]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, thảo luận, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm.

- + Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, nghiên cứu tình huống.
- + Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.
- + Tự học: bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Dạy trực tiếp									
1. Thuyết giảng	x	x	x	x			x	x	x
2. Tham luận		x	x	x			x	x	x
II. Dạy gián tiếp									
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x			x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x			x	x	x
5. Dạy học theo tình huống		x	x	x			x	x	x
6. Dạy học theo nhóm		x	x	x			x	x	x
III. Học trải nghiệm									
7. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x
8. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác									
9. Thảo luận	x	x	x	x			x	x	x
10. Làm việc nhóm		x	x	x			x	x	x
V. Tự học									
11. Bài tập ở nhà		x	x		x	x	x	x	x
12. Giải quyết tình huống cho sẵn		x	x	x			x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

Bên cạnh việc áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy – học tập như trên thì giảng viên cần phải thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại ở bậc đại học nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy học. Việc cải tiến được thực hiện theo hướng giảng viên tăng cường vận dụng công nghệ và các phương pháp giảng dạy hiện đại để phát huy tính tích cực, sáng tạo, độc lập của sinh viên nhằm giúp sinh viên chủ động trong học tập, tích cực nghiên cứu sách, bài báo, tạp chí chuyên ngành,... phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

*** Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	30% hoặc 40% hoặc 50%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	
		
		<i>* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề. * Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. * Thảo luận, thực hành,</i>	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết/vấn đáp/...; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề</i>	70% hoặc 60% hoặc 50%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần đồ án môn học

30% điểm quá trình ; 70% điểm thể hiện đồ án

d. Học phần khóa luận/đồ án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Đánh giá tiến trình									
1. Đánh giá chuyên cần								X	X
2. Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3. Đánh giá thuyết trình		X		X	X	X	X	X	X
4. Đánh giá bài tập nhóm		X	X	X	X	X	X	X	X
5. Đánh giá bài tập lớn		X	X		X		X	X	X
6. Đánh giá bài báo cáo		X	X	X	X	X	X	X	X
II. Đánh giá tổng kết									
7. Kiểm tra viết		X	X	X		X	X	X	X
8. Kiểm tra trắc nghiệm		X	X	X			X	X	X
9. Thi vấn đáp		X	X	X	X		X	X	X
10. Báo cáo		X	X	X			X	X	X
11. Bảo vệ khóa luận TN		X	X	X	X	X	X	X	X
12. Kiểm tra thực hành		X					X		

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	0
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	0
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	21	0
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	53	6
2.3	Kiến thức bổ trợ	23	2
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
Tổng:		127	8
		135	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần:

Khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học những kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và khởi nghiệp, nhằm giúp người học hiểu rõ về thể chế chính trị của Việt Nam, nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như có những kiến thức căn bản về nền quốc phòng - an ninh của quốc gia. Từ đó, giúp người học nâng cao lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức, có ý thức tuân thủ pháp luật, hiểu và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, đồng thời giúp cho người học nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 46 học phần:

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế để có thể tự học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Ngoài ra, khối kiến thức chuyên ngành trang bị những kiến thức chuyên sâu và toàn diện và hiện đại về các nguyên lý nền tảng của quản trị kinh doanh và các chức năng quản trị cơ bản trong doanh nghiệp để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lập kế hoạch và tiến hành khởi nghiệp, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch,... cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế trong môi trường toàn cầu một cách khoa học và có hiệu quả.

Đồng thời, khối kiến thức này cũng trang bị những kiến thức chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng nhằm giúp người học vận dụng, thực hành, sáng tạo trong nghề nghiệp cả về nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, xã hội. Thêm vào đó, đây cũng là khối kiến thức giúp người học nâng cao phẩm chất đạo đức, pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, xã hội.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	17,8%										
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,6%	M								M	M
1.2.	Giáo dục thể chất, GD quốc phòng - AN	12											
1.3.	Ngoại ngữ	7	5,2%					M				M	M
1.4.	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	3,0%			M	M		M	M	M	M	M
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	82,2%										
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	21	15,6%	M	M	M	M		M	M	M	M	M
2.2.	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	59	43,7%	M	M	H	H	M	M	H	M	H	H
2.3.	Khối kiến thức bổ trợ	25	18,5%	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp/học phân thay thế KLTN	6	4,4%			H	H		H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				36 TC									
1.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13 TC									
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	2	3	40		10			90		LLCT – LUẬT & QLNN	
2	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6			60		LLCT – LUẬT & QLNN	
3	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	2	27		6			60	1130299	LLCT – LUẬT & QLNN	
4	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	2	27		6			60	1130300	LLCT – LUẬT & QLNN	
5	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	5	2	27		6			60	1130301	LLCT – LUẬT & QLNN	
6	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	6	2	27		6			60	1130302	LLCT –	

										LUẬT & QLNN
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				ĐK						
I.2.1. Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm GDTC sau				3						
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(*)	2	1	4		26	21	1120172	GDTC
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(*)	3	1	4		26	21	1120173	GDTC
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)(*)	2	1	4		26	21	1120175	GDTC
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)(*)	3	1	4		26	21	1120176	GDTC
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(*)	2	1	4		26	21	1120178	GDTC
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(*)	3	1	4		26	21	1120179	GDTC
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(*)	2	1	4		26	21	1120181	GDTC
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(*)	3	1	4		26	21	1120182	GDTC
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(*)	2	1	4		26	21	1120184	GDTC
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(*)	3	1	4		26	21	1120185	GDTC
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(*)	2	1	4		26	21	1120187	GDTC
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(*)	3	1	4		26	21	1120188	GDTC
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*)	1	1	4		26	21		GDTC
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*)	2	1	4		26	21	1120190	GDTC
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*)	3	1	4		26	21	1120191	GDTC
I.2.2. Giáo dục quốc phòng-AN				9						
28	1120168	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4	3	37		8		82	TTGDQP

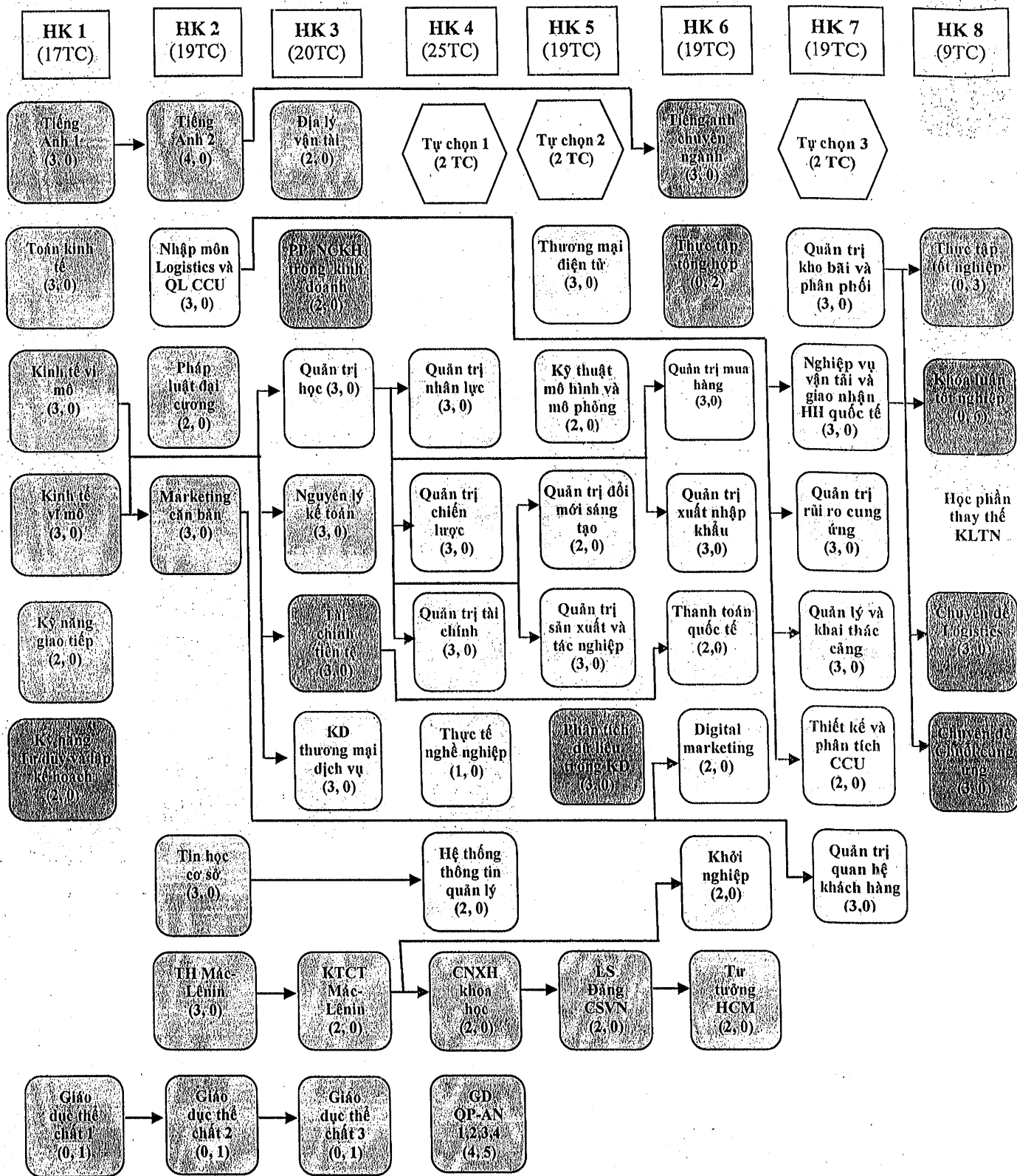
		I(*)											&AN
29	1120169	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2(*)	4	2	22		8			52			TTGDQP &AN
30	1120170	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3(*)	4	2	14			16		44			TTGDQP &AN
31	1120171	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4(*)	4	2	4				56	64			TTGDQP &AN
I.3. Ngoại ngữ			7										
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	45					90			Ngoại ngữ
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	60					120	1090061		Ngoại ngữ
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý			4										
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	1	2	18		4	20		48			KHXH & NV
35	1150422	Khởi nghiệp	6	2	20	7	6			60	1130300		TC-NH & QTKD
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			111										
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành			21										
36	1140170	Kinh tế vi mô	1	3	34	9	4			90			KT&KT
37	1140171	Kinh tế vĩ mô	1	3	36	9				90			KT&KT
38	1140104	Toán kinh tế	1	3	36	9				90			KT&KT
39	1050243	Tin học cơ sở	2	3	24	6		30		90			CNTT
40	1140048	Nguyên lý kế toán	3	3	36	9				90	1140170, 1140171		KT&KT
41	1150035	Marketing căn bản	2	3	40	5				90	1140170, 1140171		TC-NH & QTKD
42	1150075	Quản trị học	3	3	36	6	6			90	1140170, 1140171		TC-NH & QTKD
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành			59										
II.2.1. Kiến thức ngành			31										
II.2.1a. Phần bắt buộc			27										
43	1150084	Quản trị nhân lực	4	3	32	11	2	2		90	1150075		TC-NH & QTKD
44	1150089	Quản trị tài chính	4	3	29	15	2			90	1150075		TC-NH & QTKD
45	1150087	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	5	3	30	13	2	2		90	1150075		TC-NH & QTKD
46	1150066	Quản trị chiến lược	4	3	32	8	10			90	1150075		TC-NH & QTKD
47	1150490	Quản trị đổi mới sáng tạo	5	2	24	4	4			60	1150075		TC-NH & QTKD
48	1150491	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2	3	40	5				90			TC-NH & QTKD
49	2020518	Địa lý vận tải	3	2	25		10			60			KHTN
50	1010437	Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng	5	2	20	4		12		60			TOÁN VÀ TK
51	1150492	Kinh doanh thương mại dịch vụ	3	3	36	5	8			90	1140170, 1140171		TC-NH & QTKD
52	1050346	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	4	2	21			18			1050243 1150075		CNTT

53	1150493	Thực tế nghề nghiệp	4	1					30	30	1150491	TC-NH & QTKD
II.2.1b. Phân tự chọn (Chọn 2 trong 3 học phần) 4 TC												
54	1150129	Tổ chức sự kiện	5	2	24		12			60	1150035	TC-NH & QTKD
55	1150010	Hành vi khách hàng	5	2	16	12	4			60		TC-NH & QTKD
56	1150494	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	5	2	25	5				60		TC-NH & QTKD
II.2.2. Kiến thức chuyên ngành					28							
II.2.2a. Các học phần bắt buộc					26							
57	1150495	Thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng	7	2	15	10	10			60	1150491	TC-NH & QTKD
58	1150496	Quản lý và khai thác cảng	7	3	33	10	4			90	1150075	TC-NH & QTKD
59	1150497	Quản trị mua hàng	6	3	35	8	4			90	1150075	TC-NH & QTKD
60	1150395	Quản trị kho bãi và phân phối	7	3	35	10				90		TC-NH & QTKD
61	1150390	Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế	7	3	38	2	10			90	1150491	TC-NH & QTKD
62	1150399	Quản trị xuất nhập khẩu	6	3	29	13	4	2		90	1150075	TC-NH & QTKD
63	1150498	Thương mại điện tử	5	3	25	20				90		TC-NH & QTKD
64	1150499	Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng	7	3	40	5				90	1150491	TC-NH & QTKD
65	1150500	Quản trị quan hệ khách hàng	7	3	38	5	4			90	1150035	TC-NH & QTKD
II.2.2b. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)					2							
66	2020519	Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	7	2	26	4				60	1150395 1150390	KHTN
67	1150384	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ	7	2	22	8				60	1150075	TC-NH & QTKD
II.3. Kiến thức bổ trợ					25							
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp					20							
II.3.1a. Các học phần bắt buộc					18							
68	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	1	2	24	4	4			60		TC-NH & QTKD
69	1150501	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	3	30	7	16			90		TC-NH & QTKD
70	1010438	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	5	3	30				30	90		TOÁN VÀ TK
71	1150098	Tài chính - Tiền tệ	3	3	38	5	4			90	1140170, 1140171	TC-NH & QTKD
72	1150214	Tiếng Anh chuyên ngành	6	3	34	4	14			90	1090166	TC-NH & QTKD

73	1150279	Thanh toán quốc tế	6	2	25	5				60	1150098	TC-NH & QTKD
74	1150381	Digital Marketing	6	2	27	3				60	1150035	TC-NH & QTKD
<i>II.3.1b. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>				2								
75	1130362	Pháp luật vận tải	4	2	25	5				60	1130049	LLCT – LUẬT & QLNN
76	1150502	Quản lý tài chính cá nhân	4	2	21	9				60		TC-NH & QTKD
<i>II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</i>				5								
77	1150503	Thực tập tổng hợp	6	2					x			TC-NH & QTKD
78	1150504	Thực tập tốt nghiệp	8	3					x		1150390 1150395	TC-NH & QTKD
II.4: Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6								
<i>II.4.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>												
79	1150505	Khóa luận tốt nghiệp	8	6					x		1150390 1150395	TC-NH & QTKD
<i>II.4.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				6								
80	1150506	Chuyên đề Logistics	8	3	40	5				90	1150390 1150395	TC-NH & QTKD
81	1150426	Chuyên đề Quản lý chuỗi cung ứng	8	3	30	10	10			90	1150390 1150395	TC-NH & QTKD
Tổng cộng					147							

Ghi chú: (*) – Học phần điều kiện

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	M							M	M
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	M							M	M
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M							M	M
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	M							M	M
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	M							M	M
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M							M	M
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	M							M	M
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	M							M	M
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M							M	M
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	M							M	M
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	M							M	M
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M							M	M
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	M								L
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	M								L
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	M								L
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	M								L
32	1090061	Tiếng Anh 1					L				M
33	1090062	Tiếng Anh 2					M				M
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp				M				M	M
35	1150422	Khởi nghiệp			M	M		M	M	M	M
36	1140170	Kinh tế vi mô		M		M		M	M	M	M
37	1140171	Kinh tế vĩ mô	L	M					L	L	L
38	1140104	Toán kinh tế	L			L				L	L
39	1050243	Tin học cơ sở						M			M
40	1140048	Nguyên lý kế toán		M		M				M	M
41	1150035	Marketing căn bản			M	M		M	M	M	M
42	1150075	Quản trị học	M		M	M			M	M	M
43	1150084	Quản trị nhân lực			M	M		M	M	M	M
44	1150089	Quản trị tài chính		M	M	M		M	M	M	M
45	1150087	Quản trị sản xuất và tác nghiệp			M	M		M	M	M	M
46	1150066	Quản trị chiến lược		M		M			M	M	M
47	1150490	Quản trị đổi mới sáng tạo	M	M	H	H	M	M	H	M	H
48	1150491	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			M	M		M	M	M	M
49	2020518	Địa lý vận tải	M		M	M			M	M	M
50	1010437	Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng	M								M
51	1150492	Kinh doanh thương mại dịch vụ			M	M		M	M	M	M
52	1050346	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics		M	L					M	M
53	1150493	Thực tế nghề nghiệp			M	M		M	M	M	M
54	1150129	Tổ chức sự kiện			M	M		M	M	M	M

55	1150010	Hành vi khách hàng			M	M			M	M	M
56	1150494	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	L		L	M			M	M	M
57	1150495	Thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng			M	M			M	M	M
58	1150496	Quản lý và khai thác cảng			M	M		M	M	M	M
59	1150497	Quản trị mua hàng			M	M		M	M	M	M
60	1150395	Quản trị kho bãi và phân phối			M	M			M	M	M
61	1150390	Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế	L	M	M	L		M	M	M	M
62	1150399	Quản trị xuất nhập khẩu			M	M		M	M	M	M
63	1150498	Thương mại điện tử			M	M			M	M	M
64	1150499	Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng			M	M		M	M	M	M
65	1150500	Quản trị quan hệ khách hàng			M	M		M	M	M	M
66	2020519	Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	M		M	M		M	M	M	M
67	1150384	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ			M	M		M	M	M	M
68	1150248	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch			M	M		M	M	M	M
69	1150501	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	M	M	M	M	M	M	M	M	M
70	1010438	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	M						M	M	M
71	1150098	Tài chính - Tiền tệ		L	L	M			M	M	M
72	1150214	Tiếng Anh chuyên ngành				M	M			M	M
73	1150279	Thanh toán quốc tế			M	L			M	M	M
74	1150381	Digital Marketing		L	L	M		M	M	M	M
75	1130362	Pháp luật vận tải			M	M		M	M	M	M
76	1150502	Quản lý tài chính cá nhân		M		M	M	M	M	M	M
77	1150503	Thực tập tổng hợp			M	M		M	M	M	M
78	1150504	Thực tập tốt nghiệp			M	M		M	M	M	M
79	1150505	Khóa luận tốt nghiệp			H	H		H	H	M	M
80	1150506	Chuyên đề Logistics			M	M		M	M	M	M
81	1150426	Chuyên đề Quản lý chuỗi cung ứng			M	H		M	M	M	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

1.[1130299], [Triết học Mác – Lênin], [3]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin... Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

2.[1130049], [Pháp luật đại cương], [2]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có

nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

3.[1130300], [Kinh tế chính trị Mác – Lênin], [2]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4.[1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

5.[1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

6.[1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

7.[1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tung bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chức thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

8.[1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tung bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

9.[1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [1]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tung bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

10.[1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [1]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

11.[1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)], [1]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.

12.[1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)], [1]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

13.[1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

14.[1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

15.[1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

16.[1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

17.[1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

18.[1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

19.[1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

20.[1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

21.[1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

22.[1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

23.[1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

24.[1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

25.[1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

26.[1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

27.[1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

28.[1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3]

29.[1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2]

30.[1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2]

31.[1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2]**32.[1090061], [Tiếng Anh 1], [3]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

33.[1090066], [Tiếng Anh 2], [4]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

34.[1150303], [Kỹ năng giao tiếp], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung về kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, các kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh. Bên cạnh đó, môn học đưa ra các phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kỹ năng tư duy và lập kế hoạch và các học phần đào tạo kỹ năng hỗ trợ nghề nghiệp khác.

35.[1150422], [Khởi nghiệp], [2]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có

thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

36.[1140170], [Kinh tế vi mô], [3]

Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng trong nền kinh tế thị trường. Khác với Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, kể cả Chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Học phần có quan hệ là nền tảng cho các học phần khác như: Marketing căn bản, Khởi sự kinh doanh.

37.[1140171], [Kinh tế vĩ mô], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế phát triển, tài chính - tiền tệ.

38.[1140104], [Toán kinh tế], [3]

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán quản trị.

39.[1150243], [Tin học cơ sở], [3]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

40.[1140048], [Nguyên lý kế toán], [3]

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

41.[1150035], [Marketing căn bản], [3]

Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về marketing, các quan điểm quản trị marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời học phần marketing căn bản giới thiệu các công cụ của marketing hỗn hợp (Marketing - mix) mà doanh nghiệp sử dụng để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu của và đạt được các mục tiêu đã đặt ra.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên vận dụng và phát triển kiến thức marketing toàn diện sau khi ra trường.

42.[1150075], [Quản trị học], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.

43.[1150084], [Quản trị nhân lực], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng, đó là quản trị con người (người lao động trong tổ chức). Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc của người lao động, tạo động lực lao động và trả công lao động nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng quản trị nhân lực cần thiết đảm bảo hiệu quả sử dụng nhân lực và hoạt động kinh doanh của tổ chức. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị xuất nhập khẩu, quản trị chuỗi cung ứng và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

44.[1150089], [Quản trị tài chính], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh. Học phần QTTC sẽ trang bị cho học viên khả năng về phân tích và lập kế hoạch tài chính cho Doanh nghiệp; ra các quyết định đầu tư dài hạn dựa trên dòng tiền, chi

phí vốn và độ rủi ro của dự án; lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu cho công ty hay ra quyết định tài trợ vốn cho tổ chức... Học viên sẽ được học các lý thuyết cơ bản, sử dụng các tình huống cụ thể để phân tích (cho mỗi chủ đề nghiên cứu), ứng dụng thực hành làm các bài tập lớn (sử dụng các bảng tính Excel). Học phần QTTC có liên quan đến các học phần khác như: kế toán quản trị, thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, quản trị rủi ro, quản trị nguồn nhân sự hay quản trị marketing. Kiến thức của các học phần này sẽ hỗ trợ và giúp cho nhà quản trị ra quyết định đúng cho việc hoạch định chiến lược kinh doanh của tổ chức.

45.[1150087], [Quản trị sản xuất và tác nghiệp], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung về dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định tổng hợp, điều độ sản xuất, quản trị hàng dự trữ,... nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản nhất và kỹ năng quản trị tác nghiệp cần thiết để lựa chọn các phương án tối ưu nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị tài chính, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp

46.[1150066], [Quản trị chiến lược], [3]

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho sinh viên những khái niệm, cách tiếp cận, phân loại, quy trình và các nội dung của quản trị chiến lược. Đồng thời, môn học cũng cung cấp phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp sinh viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế doanh nghiệp.

Học phần Quản trị chiến lược nằm trong khối kiến thức bắt buộc đối với sinh viên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng, cung cấp cho các em cách tiếp cận, các phương pháp, kỹ năng tư duy chiến lược, phân tích chiến lược, ra quyết định, triển khai và đánh giá chiến lược. Tính tổng quát, và tầm nhìn dài hạn là đặc trưng khác biệt giữa học phần quản trị chiến lược với các học phần quản trị cụ thể như quản trị Marketing, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và tác nghiệp, ... Sinh viên cũng cần có những hiểu biết về các học phần quản trị cụ thể khi thực hiện các phân tích chiến lược.

47.[1150490], [Quản trị đổi mới sáng tạo], [2]

Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận cơ bản và hiện đại về Quản trị đổi mới như khái niệm, các đặc trưng, sự cần thiết và các áp lực đổi mới ở các doanh nghiệp, các hình thức đổi mới, quản trị quá trình đổi mới, các mô hình và công cụ sử dụng, và cách thức tạo dựng văn hóa đổi mới ở doanh nghiệp. Lĩnh hội tốt các kiến thức và kỹ năng về quản trị sự đổi mới thay đổi sẽ giúp cho sinh viên có thể nhận diện nhu cầu đổi mới;

chủ động trong việc thích nghi hoặc chủ động tạo ra sự đổi mới tích cực cho bản thân và tổ chức phù hợp với những biến động của môi trường.

Học phần Quản trị đổi mới phát triển thêm khía cạnh đổi mới tổ chức, đổi mới doanh nghiệp của các lý luận quản trị học và quản trị doanh nghiệp. Trong bối cảnh độ bất định của môi trường ngày càng tăng, yêu cầu và thách thức với các tổ chức ngày càng cao hơn, những kiến thức và kỹ năng quản trị đổi mới sẽ càng cần thiết hơn đối với các nhà quản trị trong tương lai.

48.[1150491], [Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng], [3]

Học phần Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Những nội dung cụ thể như: Khái niệm chuỗi cung ứng, khái niệm Logistics, cấu trúc của chuỗi cung ứng, nội dung Logistics và chuỗi cung ứng...

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên vận dụng và phát triển kiến thức về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng toàn diện sau khi ra trường.

49.[2020518], [Địa lý vận tải], [2]

Học phần Địa lý vận tải thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý vận tải trên thế giới và Việt Nam. Cụ thể bao gồm các nội dung kiến thức sau: Khái quát lịch sử hình thành và phát triển giao thông vận tải trên thế giới; Vai trò của hoạt động vận tải; Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động vận tải; Các loại hình giao thông vận tải; Đặc điểm phân bố mạng lưới vận tải Việt Nam; Các loại hình vận tải chủ yếu của nước ta; Sự phát triển các hành lang kinh tế gắn với hoạt động vận tải quốc tế.

50.[1010437], [Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mô hình hóa hệ thống, các phương pháp mô hình hóa và các loại mô hình toán học thông dụng. Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp mô phỏng dùng Simulink.

51.[1150492], [Kinh doanh thương mại dịch vụ], [3]

Môn học Kinh doanh thương mại và dịch vụ nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kinh doanh thương mại và dịch vụ trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu biểu hiện đặc thù của các quy luật kinh tế trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá dịch vụ, các phạm trù trong kinh doanh thương mại, các phương thức, phương pháp kinh doanh thương mại và dịch vụ. Nghiên cứu những vấn đề: tổ chức bộ máy kinh doanh, các nghiệp vụ, kỹ thuật, nghệ thuật kinh doanh thương mại dịch vụ..

52.[1050346], [Hệ thống thông tin quản lý trong logistics], [2]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin; cơ sở phương pháp luận, cơ sở công nghệ và phương pháp xây dựng hệ thống thông tin quản lý; đồng thời giới

thiếu một số hệ thống thông tin quản lý tiêu biểu.

Học phần này thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị các chuỗi cung ứng, học phần giúp sinh viên vận dụng và phát triển hệ thống quản lý thông tin tại các đơn vị sinh viên làm việc khi hoàn thành khóa học.

53.[1150493], [Thực tế nghề nghiệp], [1]

Học phần Thực tế nghề nghiệp giúp người học có cái nhìn tổng quan và chi tiết về các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp logistics hay các chuỗi cung ứng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị chuỗi cung ứng, nghiệp vụ logistics,... và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp logistics hay quản lý chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp hay ngành hàng.

54.[1150129], [Tổ chức sự kiện], [2]

Tổ chức sự kiện là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng bao gồm các nội dung chủ yếu khái niệm về sự kiện và quản trị sự kiện; xu hướng phát triển thị trường sự kiện; xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện của doanh nghiệp; những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện; tổ chức triển khai các hoạt động sự kiện; kiểm tra, đánh giá sự kiện của doanh nghiệp; các cách thức tổ chức một số loại hình sự kiện nổi bật. Học phần Tổ chức sự kiện có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị học, khởi nghiệp, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

55.[1150010], [Hành vi khách hàng], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần đề cập đến các nội dung về việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm, tiêu dùng. Học phần hành vi khách hàng chú trọng đến việc nghiên cứu các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng như thế nào. Ngoài ra, học phần này đi phân tích sâu vào giai đoạn của quá trình ra quyết định và các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn trong quá trình mua hàng của người tiêu dùng. Sự hiểu biết về hành vi khách hàng sẽ cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing trong doanh nghiệp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị bán hàng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

56.[1150494], [Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp], [2]

Học phần Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cung cấp những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, các nhân tố thúc đẩy việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, và quản trị việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Học phần sẽ giúp người học có được những kiến thức cơ bản nhất về trách nhiệm xã hội của doanh

nghiệp, hiểu được tầm quan trọng của việc thực hiện các nghĩa vụ với cộng đồng, môi trường và xã hội. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

57.[1150495], [Thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng], [2]

Chuỗi cung ứng là một hệ thống phức tạp liên quan đến nhiều doanh nghiệp và tổ chức với các mục tiêu khác nhau. Theo đó, thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các khía cạnh liên quan đến việc thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng cho các công ty và tổ chức ở bất cứ nơi đâu trên thế giới. Nội dung học phần bao gồm thiết kế luồng vật chất, tài chính chuỗi cung ứng, thiết kế luồng thông tin, và thiết kế quy trình/tổ chức. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các phương pháp và kỹ thuật phân tích khác nhau được các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý sử dụng để thiết kế và quản lý tốt hơn chuỗi cung ứng của họ, từ đó giúp người học có thể hiểu và thực hành thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng tốt trong thực tiễn. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị chuỗi cung ứng, quản trị phân phối và kho bãi, logistic và các học phần khác liên quan đến chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng và logistics.

58.[1150496], [Quản lý và khai thác cảng], [3]

Môn học đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quy hoạch, tổ chức quản lý cảng biển và phát triển dịch vụ logistics vì Việt Nam nằm ở vị trí có nhiều tiềm năng, gần các tuyến đường hàng hải quốc tế, có nhiều địa điểm với vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển cảng biển, đặc biệt là cảng nước sâu và cảng trung chuyển quốc tế. Để khai thác các tiềm năng này cần phải có những biện pháp tích cực về quy hoạch, tổ chức quản lý cảng biển và phát triển dịch vụ logistics. Ngoài ra môn học này còn cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết sâu sắc về định hướng phát triển cảng biển của Việt Nam trong thời gian tới. Bằng số liệu cho trước về lượng hàng thông qua cảng, sinh viên phải thu thập tìm hiểu các số liệu thống kê từ thực tiễn để tính toán thiết kế cảng bao gồm: số lượng cầu tàu, số lượng thiết bị tiền phương và hậu phương, diện tích kho bãi cần thiết. Từ đó, tính toán nhu cầu vốn đầu tư, chi phí cho công tác xếp dỡ và các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế để chọn phương án có lợi đồng thời lập kế hoạch công tác xếp dỡ

59.[1150497], [Quản trị mua hàng], [3]

Quản trị mua hàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng bao gồm các nội dung khái niệm và chức năng của quản trị mua hàng trong doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch mua hàng của doanh nghiệp; tổ chức triển khai hoạt động marketing mua hàng; sử dụng quy trình và kỹ thuật mua hàng; đàm phán mua hàng; và kiểm soát hoạt động mua hàng của doanh nghiệp. Học phần quản trị mua hàng có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị chuỗi cung ứng, quản trị tài chính, quản trị marketing, quản trị xuất nhập khẩu và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

60.[1150395], [Quản trị kho bãi và phân phối], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần đề cập đến các nội dung về quản trị kho bãi và quản trị phân phối. Quản trị kho bãi đề cập về tầm quan trọng và chức năng của của kho, cách thức thiết kế kho cũng như các quyết định về kho để đạt được hiệu quả tối ưu trong kinh doanh. Nội dung tiếp theo là quản trị phân phối, tập trung đến các vấn đề liên quan đến thiết kế kênh phân phối, tổ chức, xây dựng các chính sách để hỗ trợ và duy trì các thành viên trong kênh, hạn chế tối đa những xung đột xảy ra giữa các thành viên trong kênh. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như quản trị phân phối, quản trị chuỗi cung ứng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

61.[1150390], [Ngh nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế], [3]

Học phần Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức nghiệp vụ cơ bản về vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu như: Các phương thức vận tải hàng hóa quốc tế, cách thức thuê các phương tiện vận tải hàng hóa quốc tế (tàu biển, máy bay, xe...), các dịch vụ giao nhận hàng hóa, người giao nhận – trách nhiệm của người giao nhận, các phương thức giao nhận hàng hóa và các chứng từ có liên quan đến hoạt động vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan và quy trình giao nhận hàng hóa trong hoạt động vận tải bằng tất cả các phương thức vận tải... Đặc biệt, học phần đi sâu vào nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa ngoại thương chuyên chở bằng đường biển. Ngoài ra, người học được giới thiệu sơ lược các hãng tàu, hãng hàng không, một số công ty giao nhận hiện có tại Việt Nam. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng và có quan hệ với các học phần như: Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị xuất nhập khẩu và Quản trị mua hàng.

62.[1150399], [Quản trị xuất nhập khẩu], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của ngành logistics và chuỗi cung ứng. Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm và các phương thức giao dịch trong kinh doanh xuất nhập khẩu, incoterms, kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp đồng xuất nhập khẩu, xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các thương vụ xuất nhập khẩu. Trên nền tảng kiến thức ngành của quản trị kinh doanh, học phần quản trị xuất nhập khẩu nghiên cứu sâu hơn về công tác quản trị ở một lĩnh vực trong kinh doanh đó là quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu.

63.[1150498], [Thương mại điện tử], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần đề cập đến các nội dung về lý luận và thực tiễn về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Mục đích cụ thể đối với người học gồm trang bị những kiến thức cơ bản, tổng quan về thương mại điện tử cả về lý thuyết lẫn thực hành, sử dụng được các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh; Hiểu được vai trò, tầm quan trọng và triển vọng của thương mại đối với nền kinh tế

quốc dân; Đánh giá được các cơ may, cũng như hiểm họa của thương mại điện tử; Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, đặc biệt là ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị bán hàng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

64. [1150499], [Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng], [3]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về logistics và quản trị chuỗi cung ứng (SCM), đặc biệt là những rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động SCM. Những nội dung cụ thể như: Nguồn gốc rủi ro, những yếu tố tác động tới rủi ro trong SCM, các giải pháp khắc phục rủi ro của các doanh nghiệp trên thế giới và thực tế tại Việt Nam. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị sản xuất và tác nghiệp, Quản trị chuỗi cung ứng.

65.[1150500], [Quản trị quan hệ khách hàng], [3]

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị quan hệ khách hàng với những nội dung chính yếu: bản chất của quản trị quan hệ khách hàng; những công việc chủ yếu trong quản trị quan hệ khách hàng; hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và những công việc tác nghiệp cụ thể trong quản trị quan hệ khách hàng. Từ đó hình thành kỹ năng xử lý các tình huống thực tế phát sinh trong hoạt động quản trị khách hàng, có thái độ kiên nhẫn, tích cực trong môi trường tiếp xúc khách hàng.

66.[2020519], [Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa], [2]

Nội dung học phần trình bày những kiến thức cơ bản về hàng hóa, các phương pháp chất xếp, vận chuyển và bảo quản hàng hóa thường gặp trong vận tải biển, vận tải hàng không, vận tải đường bộ. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực tính toán mức ổn định, sức bền và khả năng chịu lực của các phương tiện vận tải. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những kiến thức cơ bản để có thể lập sơ đồ sắp xếp hàng hoá cũng như cách sử dụng các loại hồ sơ liên quan đến hàng hóa nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán để lập sơ đồ sắp xếp và bảo quản hàng hoá.

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần giúp sinh viên vận dụng và phát triển kiến thức về bốc dỡ và bảo quản hàng hóa để ứng dụng vào công việc sau khi ra trường.

67.[1150384], [Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần đề cập đến các nội cơ bản về: ý nghĩa, kỹ thuật và nguyên tắc công tác điều độ; các mô hình điều độ cơ bản như: mô hình thuật toán lập lịch cho máy đơn (một máy), máy song song, cửa hàng lưu lượng, cửa hàng công việc, mô hình dự án; những giải thuật cơ bản phục vụ cho việc tìm lời giải tốt nhất của công tác điều độ như: các giải thuật dựa trên kinh nghiệm (heuristic procedures), giải thuật chia nhánh và ràng buộc

(Branch and Bound), giải thuật dịch chuyển điểm nghẽn (Shifting Bottleneck), giải thuật cửa hàng lưu lượng linh hoạt (flexible flow shop), các giải thuật tìm kiếm cục bộ ... áp dụng cho các mô hình xác định trong hoạt động tổ chức sản xuất.

68.[1150248], [Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch], [2]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần trang bị kiến thức giúp sinh viên làm quen với những vấn đề liên quan đến tư duy và thực hành rèn luyện kỹ năng tư duy. Học phần còn trang bị kiến thức liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu, thực hành rèn luyện kỹ năng về xác định mục tiêu và lập kế hoạch để đạt được mục tiêu. Học phần có mối quan hệ bổ trợ với các học phần khác như kỹ năng giao tiếp thuyết trình thuyết phục trong kinh doanh, quản trị học, khởi sự kinh doanh.

69.[1150501], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh], [3]

Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh giúp sinh viên xác định các vấn đề liên quan đến kinh doanh trong các ngành/lĩnh vực khác nhau và đề xuất giải pháp cho vấn đề. Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ý tưởng nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, báo cáo kết quả nghiên cứu. Môn học được thiết kế dành cho sinh viên ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng đang học cuối năm thứ 2. Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, những kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện một công trình nghiên cứu ứng dụng trước khi tốt nghiệp một cách độc lập. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về nghiên cứu học thuật cơ bản để thực hiện các công trình nghiên cứu thiết yếu trong lĩnh vực kinh doanh.

70.[1010438], [Phân tích dữ liệu trong kinh doanh], [3]

Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức, phương pháp nghiên cứu của Thống kê ứng dụng, trang bị cho học viên các kỹ năng sử dụng công cụ phân tích định lượng của Thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh: các phương pháp chọn mẫu và lý thuyết bảng hỏi; các phương pháp mô tả số liệu thống kê; các phương pháp tính toán đo mức độ tập trung và đo mức độ phân tán của số liệu; phương pháp xác định quan sát bất thường; phân tích phương sai (ANOVA) một chiều và hai chiều; phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính; phân tích hồi quy logistic nhị phân; phân tích nhân tố khám phá (EFA). Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị tài chính, Quản trị Marketing, Quản trị rủi ro.

71.[1150098], [Tài chính - Tiền tệ], [3]

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế.

Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh thương mại quốc tế.

72.[1150214], [Tiếng Anh chuyên ngành], [3]

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, có sự kết hợp giữa kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh và tiếng Anh. Đây là học phần có quan hệ với học phần Tiếng Anh 1, 2. Qua đó, học phần giúp người học trau dồi kiến thức về tiếng Anh trong kinh doanh thông qua việc cung cấp những thuật ngữ, từ vựng có liên quan đến các chủ đề về kinh tế và quản trị kinh doanh.

Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức và kỹ năng viết các văn bản thương mại phổ biến. Từ đó, người học có cơ hội vận dụng thuật ngữ tiếng Anh và kết hợp những chủ điểm ngữ pháp trọng tâm của tiếng Anh vào các tình huống thực tế trong kinh doanh. Trong quá trình học, người học cũng sẽ tham gia thảo luận các chủ đề của bài đọc từ đó có thể phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác cũng như nâng cao vốn từ vựng của bản thân.

73.[1150279], [Thanh toán quốc tế], [2]

Học phần Thanh toán quốc tế thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần này sẽ giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các điều kiện trong thương mại quốc tế, bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối và các giao dịch ngoại hối (kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn), các phương tiện thanh toán quốc tế (hối phiếu, lệnh phiếu, séc, thẻ thanh toán), các phương thức thanh toán quốc tế (chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ, bao thanh toán quốc tế). Đồng thời học phần này giới thiệu cách sử dụng các công cụ phái sinh ngoại hối để phòng ngừa rủi ro tỷ giá, cách đọc hiểu thư tín dụng cũng như vận dụng các điều luật UCP600 để xử lý một số tình huống liên quan đến phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong thương mại quốc tế.

74.[1150381], [Digital Marketing], [2]

Học phần cung cấp các kiến thức về kế hoạch và chiến lược Digital Marketing từ lý thuyết tổng quan đến các công cụ thực tiễn. Kiến thức về truyền thông mạng xã hội sẽ được trình bày bên cạnh các nội dung ứng dụng thiết bị di động trong marketing, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm, thấu hiểu hành vi khách hàng trực tuyến, tối ưu hóa quản lý tồn kho thông qua các công cụ, đo lường hiệu quả sử dụng các phương tiện truyền thông nói chung và mạng xã hội nói riêng. Học phần sẽ giúp sinh viên có những kiến thức về sử dụng Web, email, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông trên thế giới Internet, thiết bị di động để xây dựng hình ảnh thương hiệu cho công ty đồng thời giúp tăng doanh số bán hàng cả trực tuyến và ngoại tuyến.

75.[1130361], [Pháp luật vận tải], [2]

Học phần Pháp luật vận tải trang bị cho sinh viên kiến thức một cách có hệ thống về những quy định của pháp luật trong lĩnh vực vận tải hàng hoá như là một thành tố quan trọng của thương mại hàng hoá nội địa và quốc tế. Nội dung chương trình tập trung vào giải thích

quy định của pháp luật liên quan đến điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá, các vấn đề về hợp đồng, trách nhiệm giao nhận và bồi thường thiệt hại, pháp luật quốc tế về vận tải hàng hoá, chủ yếu là vận tải biển. Ngoài ra, chương trình học hướng sinh viên đến việc tiếp cận quy định của pháp luật đối với các xu hướng vận tải mới như pháp luật về thương mại điện tử trong kinh doanh dịch vụ vận tải, pháp luật về vận tải đa phương thức.

Học phần thuộc khối kiến thức tự chọn trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức kinh tế học nói chung, kiến thức về hoạt động vận tải hàng hoá nói riêng, hỗ trợ sinh viên hoàn thiện kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải.

76.[1150502], [Quản lý tài chính cá nhân], [2]

Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức về quản lý tài chính cá nhân, từ việc biết cách xác định mục tiêu tài chính, sinh viên có thể lập được kế hoạch tài chính cũng như tổ chức để thực hiện được kế hoạch và mục tiêu đã đặt ra. Những kiến thức và kỹ năng được trang bị từ học phần quản lý tài chính cá nhân sẽ giúp sinh viên tự quản lý được chi tiêu của bản thân, chuẩn bị cho cuộc sống tự do về tài chính sau này.

77.[1150503], [Thực tập tổng hợp], [2]

Đây là học phần cần thiết để sinh viên bước đầu làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết để tìm hiểu thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu các thông tin về quá trình hoạt động, tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình hoạt động logistics và chuỗi cung ứng của đơn vị. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên bước đầu nhận thức các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác tạo nguồn cung cấp; công tác dự trữ, kho bãi và tài chính... Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Báo cáo thực tập trình bày những hiểu biết của sinh viên về thông tin tổng quan của cơ sở thực tập cũng như các hoạt động kinh doanh và phân tích cơ bản hoạt động Logistics và SCM của đơn vị thực tập do sinh viên chủ động lựa chọn. Các loại hình đơn vị thực tập đa dạng. Sinh viên phải hoàn thành công việc và nhiệm vụ được giao; sắp xếp thời gian viết báo cáo thực tập tổng hợp có chất lượng và đúng thời gian quy định.

Thực tập tổng hợp giúp sinh viên hội nhập vào môi trường làm việc thực tế của doanh nghiệp, giúp sinh viên biết ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp, rèn luyện tác phong làm việc. Đồng thời, đợt thực tập này giúp sinh viên chuyên ngành Logistics & SCM nhận thức được công việc liên quan đến chuyên ngành của mình. Từ đó, giúp sinh viên định hướng, nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm để hoàn thành tốt những học phần chuyên ngành cũng như bổ sung kiến thức để đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến lĩnh vực Logistics & SCM mà sinh viên đã lựa chọn.

78.[1150504], [Thực tập tốt nghiệp], [3]

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tế. Sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp

cận trực tiếp với các cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các đơn vị. Đây là học phần cần thiết để sinh viên làm quen với thực tế và vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học, khả năng khảo sát nắm bắt và phân tích, tìm biện pháp giải quyết những vấn đề thuộc quá trình hoạt động logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: Quản trị chuỗi cung ứng, Quản lý và khai thác cảng, Quản trị mua hàng, Quản trị kho bãi và phân phối, Hệ thống thông tin quản lý, Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế, Quản trị xuất nhập khẩu, Thương mại điện tử, Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng, Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa; Pháp luật vận tải...

79.[1150505], [Khóa luận tốt nghiệp], [6]

Học phần thể hiện sự vận dụng kiến thức tổng hợp về quản trị doanh nghiệp, logistics và chuỗi cung ứng vào thực tiễn nhằm giúp người học nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, từ đó đề xuất biện pháp khắc phục, hoàn thiện các hoạt động hoặc giúp đơn vị hoạt động hiệu quả hơn. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn, khi thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, người học sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn của đơn vị phù hợp với các nội dung chuyên ngành Logistics & Quản trị chuỗi cung ứng để nghiên cứu.

Nội dung và kết cấu của khóa luận bao gồm: Hệ thống lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề dựa trên đánh giá trên.

80.[1150506], [Chuyên đề Logistics], [3]

Học phần Chuyên đề Logistics là học phần thuộc khối chuyên ngành và là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về Logistics, cụ thể trong các vấn đề như dịch vụ khách hàng, quản trị dự trữ, quản trị vận tải, quản trị các hoạt động hỗ trợ Logistics và cuối cùng là tổ chức và kiểm soát Logistics. Về nội dung học phần sẽ làm rõ thêm các khái niệm, sự hình thành và phát triển của Logistics, cách thức thực hiện các nghiệp vụ chủ chốt mà sinh viên cần phải nắm trong quản trị hoạt động Logistics tại doanh nghiệp cũng như tác động của những thay đổi của môi trường kinh doanh và biện pháp để đối phó với những thay đổi đó mà nhà quản trị Logistics cần phải biết.

81.[1150246], [Chuyên đề Quản lý chuỗi cung ứng], [3]

Học phần Chuyên đề Quản trị chuỗi cung ứng là học phần thuộc khối chuyên ngành và là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, học phần này là sự tổng hợp của các học phần chuyên ngành đã học trước như chuỗi cung ứng cơ bản, thiết kế và xây dựng chuỗi cung ứng, ... Chuyên đề Chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, quản lý hoạt động cung ứng trong doanh nghiệp, môn học hệ thống lại các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Cụ thể về

nội dung học phần Giới thiệu khái niệm, ý nghĩa, bản chất của chuỗi cung ứng và những thay đổi trong môi trường kinh doanh hiện tại và tác động của nó đến tiến trình quản trị chuỗi cung ứng. Tổng hợp các kiến thức về việc tổ chức quy trình sản xuất trong quản lý chuỗi cung ứng, các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới cung ứng, các hệ thống cung ứng, và các chiến lược phân phối, giới thiệu các kỹ năng quản lý hàng tồn kho, kiến thức về các mô hình quản lý hàng tồn kho và các kỹ thuật phân tán rủi ro. Cung cấp các kiến thức hiện đại về quản trị chuỗi cung ứng tích hợp, tích hợp chuỗi cung ứng bên trong tổ chức. Ứng dụng các mô hình và các công cụ cần thiết để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

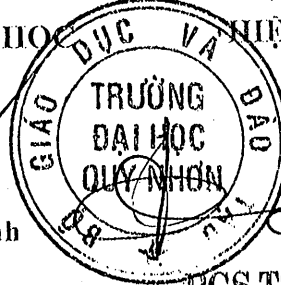
**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. Đặng Thị Thanh Loan

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ